

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 31/12/2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M – sinh năm 1978; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H – sinh năm 1986; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị Mai có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị M trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn hợp pháp với nhau ngày 18 tháng 12 năm 2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh H tại xóm M và chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để anh H từ bỏ ma túy nhưng anh H không thay đổi mà còn kiêu cố đánh đập chị. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở, còn anh H sau đó cũng được gia đình và chính quyền địa phương đưa đi tự nguyện cai nghiện ma túy. Hết thời gian cai nghiện anh H về địa phương sinh sống nhưng anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Từ năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng về đoàn tụ nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 và cháu Hoàng Gia B sinh, ngày 18 tháng 3 năm 2016. Hiện cháu H1 đang ở cùng với anh H còn cháu B đang ở cùng với chị M. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu B cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với các con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Hoàng Văn H hiện đang cư trú tại nhà mẹ đẻ của anh H là bà Phạm Thị H2 ở xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Hoàng Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H thông qua mẹ đẻ anh H là bà Phạm Thị H2. Bà Hường trình bày anh H có biết việc chị M khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Đồng thời bà H2 cũng xác định chị M và anh H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau thời gian chung sống tại gia đình bà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy. Gia đình cùng chính quyền địa phương đã đưa anh H đi cai nghiện ma túy, đối với chị M do không chịu được nên đã bỏ anh H và về nhà bố mẹ đẻ chị M ở khoảng 4, 5 năm nay. Hiện chỉ có anh H và cháu H1 đang ở cùng bà. Nay chị M ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của cháu Hoàng Thái H1 thì hiện cháu đang ở với anh H và bà nội tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng cháu muốn ở với bố là anh Hoàng Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị M ly hôn anh Hoàng Văn H
- Về con chung: Giao Cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho anh Hoàng Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2016 cho chị Hoàng Thị M tiếp tục chăm sóc kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Hoàng Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị M có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hoàng Văn H có nơi cư trú tại: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Hoàng Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Hoàng Văn H kết hôn hợp pháp với nhau ngày 18 tháng 12 năm 2013 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H nghiện ma túy, năm 2016 gia đình và chính quyền địa phương đã đưa anh H đi cai nghiện ma túy tự nguyện, còn ở nhà chị M cũng đã bế theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, đồng thời anh chị cũng sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh H không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Mặt khác qua làm việc với mẹ anh H là bà Phạm Thị H2 thì bà cũng xác định: Anh H hiện đang ở cùng với bà tại xóm M xã K, anh H cũng biết việc chị M có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh H, nhưng do đặc thù công việc của anh H rất bận nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vắng mặt anh H.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K thể hiện: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã K. Sau khi kết hôn chị M và anh H về chung sống cùng bố mẹ anh H tại xóm M. Quá trình chung sống một thời gian ngắn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Hiến nghiện ma túy, Năm 2016 anh H đã được gia đình và chính quyền địa phương đưa đi cai nghiện ma túy cùng thời điểm đó chị M cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm An H sinh sống. Hiện chỉ có một mình anh H và cháu lớn ở cùng mẹ đẻ anh H. Nay chị M xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị M và anh H đã có thời gian sống ly thân nhau lâu, cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị và anh H có hai con chung cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2016. Hiện cháu H1 đang ở cùng với anh H còn cháu B đang ở cùng với chị M. Nay chị M nhận nuôi cháu B và đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh H không có ý kiến gì về vấn đề giải quyết vụ án, cũng như vấn đề giao con sau khi ly hôn nhưng thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Qua xem xét nguyện vọng của cháu H1 thì muốn ở với bố, để không làm thay đổi và ảnh hưởng đến việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu nay cần giao cháu H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với cháu B còn nhỏ và cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên giao cháu B cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của đương sự đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi của con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K thể hiện về điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị M và anh H là như nhau. Nay anh chị có hai con chung thì mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con của cả hai bên đương sự và cũng đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Hoàng Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho anh Hoàng Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2016 cho chị Hoàng Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/00023445 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã K, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**